

TỈNH ỦY HÀ TĨNH  
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

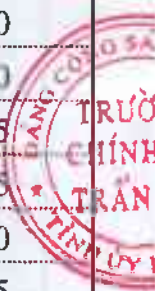
**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

\*

**KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC; ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI, MỘT SỐ KỸ NĂNG CƠ BẢN TRONG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ Ở CƠ SỞ**

*Lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính K164 (mở tại huyện Hương Khê)*

| TT | Họ và tên       |       | Số BD | Điểm                                               |                                                                      |                                                          |
|----|-----------------|-------|-------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
|    |                 |       |       | Những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước | Đường lối, chính sách của Đảng, NNVN về các lĩnh vực của đời sống XH | Một số kỹ năng cơ bản trong LDQL của cán bộ LDQL ở cơ sở |
| 1  | Phạm Thị Lan    | Anh   | 01    | 8,5                                                | 7,5                                                                  | 7,5                                                      |
| 2  | Đặng Thị Quỳnh  | Anh   | 02    | 8,0                                                | 8,0                                                                  | 7,0                                                      |
| 3  | Nguyễn Thị      | Bình  | 03    | 8,0                                                | 8,0                                                                  | 7,0                                                      |
| 4  | Nguyễn Thanh    | Bình  | 04    | 8,0                                                | 7,0                                                                  | 7,0                                                      |
| 5  | Hoàng Thị       | Châu  | 05    | 8,0                                                | 7,5                                                                  | 7,0                                                      |
| 6  | Nguyễn Xuân     | Doãn  | 06    | 8,0                                                | 7,5                                                                  | 6,5                                                      |
| 7  | Nguyễn Văn      | Đồng  | 07    | 8,0                                                | 8,5                                                                  | 7,5                                                      |
| 8  | Nguyễn Hữu      | Đức   | 08    | 8,0                                                | Không đủ đk thi                                                      | 7,0                                                      |
| 9  | Hoàng Đức       | Dũng  | 09    | 8,5                                                | 8,5                                                                  | 8,5                                                      |
| 10 | Nguyễn Văn      | Duy   | 10    | 7,5                                                | 7,0                                                                  | 7,5                                                      |
| 11 | Phan Vũ         | Giang | 11    | 8,0                                                | 8,5                                                                  | 7,5                                                      |
| 12 | Trịnh Thị       | Hà    | 12    | 8,0                                                | 8,0                                                                  | 7,5                                                      |
| 13 | Nguyễn Thị      | Hải   | 13    | 8,0                                                | 8,0                                                                  | 8,0                                                      |
| 14 | Phan Trọng      | Hải   | 14    | 8,5                                                | 8,5                                                                  | 7,0                                                      |
| 15 | Lê Thanh        | Hải   | 15    | 8,0                                                | 8,0                                                                  | 8,0                                                      |
| 16 | Trần Hồng       | Hải   | 16    | 8,0                                                | 8,5                                                                  | 8,5                                                      |
| 17 | Nguyễn Thị      | Han   | 17    | 8,0                                                | 8,0                                                                  | 8,0                                                      |
| 18 | Nguyễn Thị      | Hanh  | 18    | 8,0                                                | 8,0                                                                  | 8,0                                                      |
| 19 | Trần Thị        | Hoa   | 19    | 8,0                                                | 7,5                                                                  | 7,5                                                      |
| 20 | Trần Quốc       | Hoàn  | 20    | 8,0                                                | 7,0                                                                  | 7,0                                                      |
| 21 | Hà Việt         | Hợi   | 21    | 7,5                                                | 7,0                                                                  | 7,0                                                      |
| 22 | Nguyễn Thị Bích | Hồng  | 22    | 8,0                                                | 7,0                                                                  | 7,5                                                      |
| 23 | Thái Thị Mỹ     | Huyền | 23    | 8,0                                                | 8,5                                                                  | 8,0                                                      |



| TT | Họ và tên        |        | Số BD | Điểm                                               |                                                                      |                                                          |
|----|------------------|--------|-------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
|    |                  |        |       | Những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước | Đường lối, chính sách của Đảng, NNVN về các lĩnh vực của đời sống XH | Một số kỹ năng cơ bản trong LDQL của cán bộ LDQL ở cơ sở |
| 24 | Ngô Thị          | Huyền  | 24    | 8,5                                                | 8,5                                                                  | 7,0                                                      |
| 25 | Lê Thị           | Kiều   | 25    | 8,0                                                | 7,5                                                                  | 7,5                                                      |
| 26 | Nguyễn Việt      | Kính   | 26    | 8,0                                                | 7,5                                                                  | 7,5                                                      |
| 27 | Cao Thị          | Lan    | 27    | 8,5                                                | 8,5                                                                  | 8,5                                                      |
| 28 | Trần Thị         | Lương  | 28    | 8,5                                                | 8,0                                                                  | 8,5                                                      |
| 29 | Trần Thị Hoài    | Lý     | 29    | 8,5                                                | 8,5                                                                  | 8,0                                                      |
| 30 | Nguyễn Thị Tuyết | Mai    | 30    | 8,0                                                | 7,0                                                                  | 7,0                                                      |
| 31 | Phan Thị         | Muôn   | 31    | 8,0                                                | 8,0                                                                  | 8,0                                                      |
| 32 | Nguyễn Vĩnh      | Nam    | 32    | 7,5                                                | 7,5                                                                  | 7,0                                                      |
| 33 | Nguyễn Thanh     | Nga    | 33    | 7,5                                                | 7,0                                                                  | 6,5                                                      |
| 34 | Đặng Thị Thu     | Nga    | 34    | 8,5                                                | 8,5                                                                  | 8,5                                                      |
| 35 | Trần Thị         | Nga    | 35    | Không đủ đk thi                                    | 8,5                                                                  | 8,5                                                      |
| 36 | Trần Thị Thúy    | Ngân   | 36    | 8,0                                                | 8,0                                                                  | 7,5                                                      |
| 37 | Thái Văn         | Nguyên | 37    | 8,5                                                | 8,0                                                                  | 7,5                                                      |
| 38 | Hoàng Thị Ánh    | Nguyệt | 38    | 7,5                                                | 8,0                                                                  | 7,0                                                      |
| 39 | Đinh Thị Hồng    | Nhung  | 39    | 8,0                                                | 8,0                                                                  | 7,5                                                      |
| 40 | Trần Thị         | Nhung  | 40    | 8,0                                                | 8,0                                                                  | 7,0                                                      |
| 41 | Nguyễn Thị Kiều  | Oanh   | 41    | 8,0                                                | 7,0                                                                  | 7,0                                                      |
| 42 | Trần Đức         | Phong  | 42    | 7,5                                                | 7,5                                                                  | 7,0                                                      |
| 43 | Lê Văn           | Phú    | 43    | 8,0                                                | 7,0                                                                  | 7,5                                                      |
| 44 | Lê Hữu           | Phúc   | 44    | 7,5                                                | 7,0                                                                  | 7,0                                                      |
| 45 | Phan Việt        | Phước  | 45    | 8,0                                                | 7,0                                                                  | 7,0                                                      |
| 46 | Bùi Hà           | Phương | 46    | 8,5                                                | 8,5                                                                  | 8,0                                                      |
| 47 | Nguyễn Thị Hồng  | Phương | 47    | 8,5                                                | 8,5                                                                  | 8,5                                                      |
| 48 | Đặng Hồng        | Quân   | 48    | 8,0                                                | 7,0                                                                  | 7,0                                                      |
| 49 | Đinh Thị         | Quyên  | 49    | 8,0                                                | 7,0                                                                  | 7,5                                                      |
| 50 | Hoàng Thế        | Sang   | 50    | 8,5                                                | 7,0                                                                  | 7,0                                                      |
| 51 | Nguyễn Thị Minh  | Tâm    | 51    | 8,5                                                | 8,0                                                                  | 8,0                                                      |
| 52 | Đồng Thị         | Thắm   | 52    | 7,5                                                | 7,5                                                                  | 7,0                                                      |
| 53 | Lê Thị           | Thắm   | 53    | 8,0                                                | 7,0                                                                  | 7,5                                                      |

| TT | Họ và tên         |        | Số BD | Điểm                                               |                                                                      |                                                          |
|----|-------------------|--------|-------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
|    |                   |        |       | Những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước | Đường lối, chính sách của Đảng, NNVN về các lĩnh vực của đời sống XH | Một số kỹ năng cơ bản trong LDQL của cán bộ LDQL ở cơ sở |
| 54 | Trần Thị          | Thành  | 54    | 8,0                                                | 7,0                                                                  | 7,0                                                      |
| 55 | Trần Thị          | Thảo   | 55    | 8,0                                                | 8,0                                                                  | 7,5                                                      |
| 56 | Trần Thị Thanh    | Thảo   | 56    | 8,5                                                | 7,5                                                                  | 8,0                                                      |
| 57 | Phạm Thị          | Thảo   | 57    | 7,5                                                | 8,0                                                                  | 7,0                                                      |
| 58 | Nguyễn Anh        | Thị    | 58    | 8,0                                                | 7,0                                                                  | 7,5                                                      |
| 59 | Trần Bích         | Thuận  | 59    | 7,5                                                | 7,0                                                                  | 7,5                                                      |
| 60 | Dương Thị         | Thủy   | 60    | 7,5                                                | 7,0                                                                  | 8,0                                                      |
| 61 | Đặng Minh         | Tiến   | 61    | 8,5                                                | 8,5                                                                  | 8,5                                                      |
| 62 | Đinh Thị Huyền    | Trang  | 62    | 8,5                                                | 7,0                                                                  | 8,5                                                      |
| 63 | Dương Quốc        | Trung  | 63    | 8,0                                                | 7,0                                                                  | 7,5                                                      |
| 64 | Bùi Văn           | Trường | 64    | 8,0                                                | 8,5                                                                  | 7,0                                                      |
| 65 | Thái Nguyễn Thanh | Tú     | 65    | 8,0                                                | 7,5                                                                  | 8,0                                                      |
| 66 | Nguyễn Anh        | Tuấn   | 66    | 8,0                                                | 7,5                                                                  | 7,5                                                      |
| 67 | Nguyễn Xuân       | Tuấn   | 67    | 8,0                                                | 7,5                                                                  | 7,5                                                      |
| 68 | Nguyễn Thị        | Việt   | 68    | 8,5                                                | 8,0                                                                  | 7,0                                                      |
| 69 | Hồ Sỹ             | Vinh   | 69    | 8,5                                                | 8,0                                                                  | 7,0                                                      |

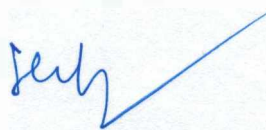
Danh sách này gồm: 69 học viên

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 01 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH

HIỆU TRƯỞNG


Thái Thị Hiền

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

TS. Nguyễn Trọng Tứ